

Số: 476/CV-TTYT

Việt Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm y tế huyện Việt Yên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng cấu hình kỹ thuật và giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế phục vụ chuyên môn khám chữa bệnh từ nguồn thu của Trung tâm y tế Việt Yên năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế Việt Yên

Địa chỉ: Tổ Dân phố Đồn Lương, Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds Lục Thị Thu Hà- Trưởng khoa Dược-VTTBYT.

Số điện thoại: 0942.106.126. Email: khoaduocvietyen@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận tại địa chỉ: Khoa Dược-VTTBYT, Tổ Dân phố Đồn Lương, Phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh.

Đồng thời, đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam scan báo giá qua địa email: [h](mailto:khoaduocvietyen@gmail.com) khoaduocvietyen@gmail.com .

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 9h00 phút ngày 21 tháng 7 năm 2025 đến trước 16h30 phút ngày 31 tháng 7 năm 2025.

Lưu ý: Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị:

(có phụ lục I chi tiết kèm theo)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Tại khoa phòng sử dụng của Trung tâm y tế Việt Yên.

3. Các thông tin khác:

- Yêu cầu tính năng và yêu cầu kỹ thuật cơ bản tại bảng mô tả đính kèm là yêu cầu tối thiểu của hàng hóa, các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam có thể chào hàng hóa có tính năng và kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.
- Nhà cung cấp báo giá theo Mẫu báo giá tại Phụ lục II kèm theo công văn này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống mạng đầu thầu QG;
- Công thông TTYT Việt Yên;
- Lưu: VT, KD.



DANH MỤC THIẾT BỊ MUA SẮM				
STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật dự kiến mua sắm	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
1	Máy điện xung, điện phân 2 kênh độc lập	<p>Xuất xứ: G7. Cấu hình và phụ kiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính cảm ứng: 01 Chiếc - Dây nguồn: 01 Cái - Cáp kích thích điện: 02 Cái - Điện cực 60X40 mm: 04 Cái - Điện cực 60X60 mm: 02 Cái - Điện cực 60X120 mm: 02 Cái - Miếng đệm lót điện cực 60x40mm: 04 Cái - Miếng đệm lót điện cực 60x60mm: 02 Cái - Miếng đệm lót điện cực 60x120mm: 02 Cái - Dây co giãn 50 cm: 02 Cái - Dây co giãn 100 cm: 02 Cái - Cáp phân chia màu đen: 01 Cái - Cáp phân chia màu đỏ: 01 Cái - Cáp cắm 2mm màu đen: 01 Cái - Cáp cắm 2mm màu đỏ: 01 Cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt: 01 Bộ <p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu ra : Hai kênh độc lập điều chỉnh riêng biệt các thông số và cường độ dòng điện trên mỗi kênh. - 20 loại dòng điện/ dạng sóng điều trị ứng dụng trong phục hồi chức năng và điều trị đau. Các kiểu dòng điện kích thích - Nguồn cấp: 115 ÷ 230 V~, 50 - 60 Hz - Công suất tiêu thụ: 60 VA - Mức độ an toàn: Cấp 1 kiểu BF (CEI EN 60601-1, CEI EN 60601-2-10). Có chức năng ghi nhớ dữ liệu điều trị 	Chiếc/ cái	1

2	Máy siêu âm điều trị	<p style="text-align: center;">.- Thiết bị mới 100%</p> <p>- Năm sản xuất: 2024 trở về sau. Màn hình cảm ứng: 01; Có chức năng ghi nhớ dữ liệu điều trị. Nguồn điện cung cấp 100-240V/ 50-60Hz Công suất điện tiêu thụ Tối đa 60VA Tiêu chuẩn chống nước đầu siêu âm IPX7 Hệ số làm việc Liên tục. Ngắt quãng: 1:1, 1:2, 1:5, 1:10 Tần số: 10Hz, 20Hz, 50Hz, 100Hz Tần số làm việc Đa tần: 1 và 3Mhz Cường độ điều trị 0.1 đến 3W/cm², thay đổi 0.1 W/cm² Công suất tối đa 6W ở hệ số làm việc liên tục, 9W ở hệ số làm việc ngắt quãng. Đầu siêu âm Diện tích: 5cm², AER: 3cm², BNR ≤ 5.</p>	Chiếc/ cái	1
3	Tủ sấy parafin 40 khay	<p style="text-align: center;">- Thiết bị mới 100%</p> <p>- Năm sản xuất: 2024 trở về sau - Công suất tiêu thụ của tủ: 8Kw - Công suất tủ khi duy trì nhiệt độ : 2-3 Kw - Nhiệt độ làm việc: 20 đến 100 độ C; - Thời gian sấy: 90 đến 110 phút - Thời gian làm nguội: 40 đến 50 phút - Cài đặt thời gian sấy: 0 đến 99 giờ</p> <p>- Kích thước tổng thể của tủ: Tối thiểu dài 1010 x Rộng 870 x Cao 1260 mm. - Kích thước khoang sấy của tủ:Tối thiểu dài 810 x Rộng 790 x Cao 860mm - Nguồn điện: ~380V, 3 pha, 50 Hz</p> <p>- Thiết bị an toàn: Cảm biến nhiệt độ cắt công suất gia nhiệt khi nhiệt độ trong tủ đạt đến nhiệt độ cài đặt. - Thiết bị an toàn: Cảm biến cắt toàn mạch điện khi nhiệt độ trong tủ sấy vượt quá 10% nhiệt độ cài đặt.</p>	Chiếc/ cái	1

4	Máy khí dung	<p>Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị mới 100% - Năm sản xuất: 2024 trở về sau - Đạt các tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO13485; - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: 40°C + Độ ẩm tối đa: 85% không ngưng tụ; - Thời gian bảo hành: 12 tháng trở lên - Hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh, Tiếng Việt: 1 bộ <p>Cấu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy nén khí: 01 chiếc - Bộ xông: 01 chiếc - Ống dẫn khí (PVC,200cm): 01 chiếc- Ống ngậm: 01 chiếc - Cốc thuốc: 01 chiếc - Mặt nạ người lớn (PVC): 01 chiếc - Mặt nạ trẻ em (PVC): 01 chiếc <p>Đặc tính kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước hạt: 3 µm MMAD - Dung tích cốc thuốc: tối đa 7 ml - Lượng thuốc thích hợp: 2ml – max 7ml - Tốc độ phun: 0,4 ml/ phút - Bình phun ra: 0,57ml (2ml, 1%NaF) -Tốc độ bình phun: ≥ 0,08ml/phút (2ml,1% NaF) 	Chiếc/ cái	9
5	Máy điện châm	<p>Thông số hoạt động: tối đa 180 Ma pp (500Ohm). Tần số rung động 1-120 Hz. Nhịp rung động 40-250 micro giây cho mỗi xung. Thời gian điều trị 5-90 phút. Cường độ dòng điện: max 180 mApp. Nguồn điện cung cấp AC110-240V, 50Hz, DC 9V+5%, 9V-10%. Tần số xung 1,2Hz-55Hz, +/-30%. Bbeef rộng bước sóng từ 0,6ms. Có 6 giắc cắm.</p>	Chiếc/ cái	10

6	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Yêu cầu chung	Chiếc/ cái	3
		Xuất xứ: G7		
		- Thiết bị mới 100%. Năm sản xuất từ năm 2024 trở về sau		
		- Đáp ứng tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485; CE hoặc tương đương		
		- Nguồn điện cung cấp: 220 V – 50 Hz.		
		- Môi trường hoạt động:		
		+ Nhiệt độ tối đa $\geq 40^{\circ}\text{C}$		
		+ Độ ẩm tối đa $\geq 75\%$		
		Yêu cầu về cấu hình:		
		- Máy chính: 01 bộ		
		- Phụ kiện kèm theo:		
		+ Bộ dây đo ECG: 01 bộ		
		+ Bộ dây đo SpO2: 01 bộ		
		+ Bộ đo huyết áp không xâm nhập (Dây dẫn hơi + Bao đo huyết áp: người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh): 01 bộ		
		+ Đầu đo nhiệt độ + Cáp nối: 01 bộ		
		+ Pin tích hợp: 01 bộ		
		+ Dây nguồn: 01 bộ		
		+ Xe đẩy đặt máy: 01 chiếc		
		+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bộ.		
		Yêu cầu về kỹ thuật:		
		Tính năng chung:		
		- Máy có hướng dẫn hình ảnh minh họa cách đo lường cho từng thông số .		
		- Biểu đồ xu hướng của tất cả các thông số. Có thể lưu và xem lại.		
		- Có thể xem lại dạng sóng toàn phần của ≥ 4 thông số.		

		- Có phần mềm theo dõi đoạn QRS giúp phát hiện loạn nhịp ở trẻ sơ sinh.		
		- Máy tự động nhận dạng ống đo huyết áp NIBP và điều chỉnh áp lực bao đo để an toàn cho trẻ.		
		- Có thể kết nối đa giường bệnh qua mạng lan kết nối máy tổng		
		- Có thể kết nối máy in mạng qua cổng LAN, in thời gian thực và xem lại dữ liệu		
		Các thông số đo:		
		Đo đạc và theo dõi các thông số:		
		- Thông số điện tim ECG		
		- Nhịp thở (RESP)		
		- Độ bão hòa oxy trong máu (SpO2)		
		- Huyết áp không xâm lấn (NIBP)		
		- Nhiệt độ (TEMP)		
		Hiển thị:		
		- Kích thước màn hình: màn hình màu TFT LCD ≥ 10 inch.		
		- Độ phân giải: $\geq 800 \times 600$ điểm.		
		-Màn hình điều khiển cảm ứng: có sẵn.		
		- Phương pháp hiển thị dạng sóng: phương pháp cố định.		
		Số màu sắc hiển thị: ≥ 12 màu, có thể lựa chọn.		
		Số dạng sóng tối đa hiển thị trên màn hình: ≥ 4 .		
		- Các dạng sóng được hiển thị trên màn hình chủ: ECG (tối đa 2 sóng), dạng sóng nhịp thở, sóng xung SpO2.		
		Cảnh báo:		
		Các mục cảnh báo: cảnh báo trên/dưới, cảnh báo loạn nhịp, cảnh báo kỹ thuật.		
		Mức độ cảnh báo: nguy cấp (màu đỏ nhấp nháy), cảnh báo (màu vàng nhấp nháy), tư vấn (màu vàng hoặc xanh dương nhấp nháy).		
		Chỉ thị cảnh báo: thông tin, giá trị số sáng lên, chỉ thị cảnh báo nhấp nháy, âm thanh cảnh báo.		
		Tính năng tắt cảnh báo: cảnh báo im lặng, cài lại cảnh báo, tạm ngưng cảnh báo, tắt toàn bộ cảnh báo.		
		Tăng mức độ cảnh báo: ngưng thở, mức độ SpO2 thấp, cảnh báo kỹ thuật (kiểm tra điện cực, không thể phân tích, kiểm tra đầu đo SpO2).		

		Số lượng cài đặt: tối đa 3 cài đặt cho mỗi lứa tuổi người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh.		
		Cài đặt ngưỡng cảnh báo: hiển thị cho mỗi thông số trên màn hình theo dõi.		
		Cài đặt tự động: cảnh báo ngưỡng trên/dưới, mức ST.		
		Xem lại:		
		- Thời gian hiển thị xem lại: ≥ 120 giờ		
		Thông số Điện tim (ECG):		
		Số đạo trình:		
		+ Cấp 3 đạo trình: I, II, III		
		+ Cấp 6 đạo trình: I, II, III, aVR, aVL, aVF, 2 từ V1 đến V6		
		- Số dạng sóng: lên đến ≥ 6		
		Dãy đo nhịp tim: ≤ 10 - ≥ 300 nhịp/ phút		
		Độ chính xác nhịp tim: $\geq \pm 1$ %		
		Độ chính xác đếm nhịp tim: $\leq \pm 2$ nhịp/phút		
		Phân tích loạn nhịp: phương pháp phân tích kết hợp đa mẫu		
		Số kênh phân tích: ≥ 2 kênh		
		Đếm nhịp VPC: 0 đến ≥ 90 VPC/phút		
		Các mục cảnh báo loạn nhịp: ≥ 25 mục		
		Đo mức ST:		
		+ Số kênh đo lường: 3 đạo trình (1 kênh), 6 đạo trình (2 kênh)		
		+ Phạm vi đo mức ST: ± 2.5 mV		
		Nhịp thở		
		- Phương pháp đo: phương pháp trở kháng		
		- Số kênh đo: lựa chọn từ R-F đến R-L		
		- Phạm vi đếm nhịp thở: 0 đến ≥ 150 nhịp/phút		
		- Độ chính xác đếm nhịp thở: $\pm \leq 2$ nhịp/phút		
		- Thời gian phát hiện ngưng thở: Tất, 5 đến 40 giây		
		Huyết áp kế không xâm lấn (NIBP)		

		- Phương pháp đo: đo dao động		
		- Phạm vi đo: 0 đến ≥ 300 mmHg		
		- Độ chính xác: $\pm \leq 3$ mmHg		
		SPO2		
		Các mục báo động: SpO ₂ , nhịp mạch		
		Phạm vi đo SpO ₂ :		
		-Phạm vi hiển thị: 0 đến 100% SpO ₂		
		Độ chính xác đo: $\pm \leq 2\%$ SpO ₂		
		Phạm vi đo nhịp mạch:		
		+ Phạm vi hiển thị: ≤ 30 đến ≥ 250 nhịp/phút		
		+ Phạm vi công bố: ≤ 30 đến ≥ 250 nhịp/phút		
		+ Độ chính xác đếm: $\pm \leq 3$ nhịp/phút		
		Nhiệt độ		
		Số kênh: lên đến ≥ 2		
		Nhiệt độ delta: có sẵn		
		Phạm vi đo: 0 đến $\geq 45^\circ\text{C}$		
		Độ chính xác đo:		
		+ $\pm \leq 0.2^\circ\text{C}$ ($0^\circ\text{C} \leq \text{TEMP} < 25^\circ\text{C}$)		
		+ $\pm \leq 0.1^\circ\text{C}$ ($25^\circ\text{C} \leq \text{TEMP} \leq 45^\circ\text{C}$)		
		Tự động nhận biết đầu dò nhiệt độ bị hư		
		- Cài đặt cảnh báo nhiệt độ delta: 0.1 đến 45°C , Tắt		
7	Máy điện tim 6 cần	A. Yêu cầu chung	Chiếc/ cái	1
		Xuất xứ: G7		

	Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%.		
	Nhà sản xuất máy chính đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.		
	Điện nguồn sử dụng: 220V/50Hz, phù hợp với điện áp tại Việt Nam.		
	Môi trường hoạt động:		
	+ Nhiệt độ: Từ 18 độ C – 40 độ C		
	+ Độ ẩm: Từ 30% - 90%		
	Bảo hành: \geq 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu đưa thiết bị vào hoạt động.		
	B. Yêu cầu Cấu hình & Thông số kỹ thuật		
	1. Máy điện tim 6 cần kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn cho 01 máy		
	Máy chính: 01 chiếc		
	Cáp điện tim: 01 chiếc.		
	Dây nguồn: 01 chiếc.		
	Điện cực trước ngực: 06 quả.		
	Điện cực chi: 04 chiếc		
	Ắc quy theo máy: 01 chiếc		
	Giấy in: \geq 01 cuộn		
	Xe inox để máy(sản xuất tại Việt Nam): 01 chiếc		
	Bộ sách hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		
	2. Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật		
	Tính năng chung:		
	Khả năng kết nối hệ thống mạng bệnh viện qua cổng mạng LAN		
	Dữ liệu bệnh nhân có thể xuất ra dạng DICOM hoặc PDF		
	Bộ nhớ trong lưu trữ tới \geq 800 file ECG		
	Chức năng ghi dạng lưới và ghi mở rộng		
	Máy có khả năng kết nối trực tiếp với máy in mạng		
	ECG đầu vào:		
	Mạch vào: được cách ly và bảo vệ để tránh sốc điện tim		

	Độ nhạy: 10 mm/mV $\pm 2\%$		
	Điện trở vào: $\geq 50 \text{ M}\Omega$ ở 0.67Hz		
	Hệ số lọc nhiễu: $> 105 \text{ dB}$		
	Điện áp bù: $\pm 550 \text{ mV}$		
	Tần số đáp ứng: 0.05 Hz đến 150 Hz (+0.4/-3 dB)		
	Nhiều trong: $\leq 20 \mu\text{Vp-v}$		
	Tỷ lệ thu thập mẫu: ≥ 16.000 mẫu/giây/ kênh		
	Nhiều giữa các kênh: $\leq -40\text{dB}$		
	Dải đo và hiển thị nhịp tim: 30 – 300 nhịp/ phút		
	Độ chính xác: $\pm 10\%$ (30-240 nhịp/ phút)		
	Xử lý tín hiệu:		
	Đạo trình: 12 đạo trình		
	Tỷ lệ lấy mẫu: ≥ 500 mẫu/giây		
	Bộ lọc nhiễu xoay chiều: 50/60 Hz		
	Hằng số thời gian: $\geq 3.2\text{s}$		
	Bộ lọc cao tần: 75, 100, 150 Hz		
	Bộ lọc nhiễu điện cơ: 25, 35 Hz		
	Đáp ứng tín hiệu tối thiểu: $\leq 20 \mu\text{Vp-v}$		
	Bộ lọc chống trôi: yếu 0.1 Hz (-20dB) mạnh 0.1 Hz (-34dB)		
	Độ nhạy: 5, 10, 20mm/mV		
	Phát hiện tạo nhịp :có		
	Bộ chuyển đổi A/D: ≥ 24 bit		
	Hiển thị:		
	Màn hình màu LCD TFT		
	Kích thước: ≥ 8 inch		
	Độ phân giải: $\geq 800 \times 480$ điểm		
	Hiển thị dữ liệu: dạng sóng 12 đạo trình, thông tin bệnh nhân, cài đặt độ ghi, chế độ hoạt động, nhịp		

		tim, phức hợp QRS, thông báo lỗi, tiếp xúc điện cực và độ nhiễu.		
		Ghi:		
		Chế độ in: in nhiệt		
		Mật độ in: ≥ 200 dpi		
		Số kênh: 3, 4 (3+ nhịp), 6		
		Tốc độ giấy: 5, 10, 12.5, 25, 50 mm/giây		
		Độ chính xác in: $\leq \pm 5\%$		
		Dữ liệu ghi: Dạng sóng ECG, nhịp tim, tên đạo trình, phiên bản, ngày và giờ, tốc độ giấy, độ nhạy, bộ lọc, tên bệnh viện, thông tin bệnh nhân, thông tin phép đo và đánh dấu.		
		Phân tích điện tim:		
		Áp dụng cho bệnh nhân: trẻ sơ sinh, trẻ em, người lớn.		
		Mục phân tích kết quả: ≥ 5 .		
		Mục tìm ra kết quả điện tim: khoảng 200.		
		Thời gian phân tích: khoảng 5 giây		
		Nguồn điện, AC và DC:		
		AC: 220 V 50 Hz		
		DC: ắc quy trong có thời gian hoạt động ≥ 150 phút.		
		An toàn:		
		Phù hợp với tiêu chuẩn IEC(International Electrotechnical Commission).		
8	Máy làm ấm máu và dịch truyền		Chiếc/ cái	1
	I	YÊU CẦU CHUNG		
	1	Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau, mới 100%		
	2	Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485		
	3	Nguồn điện: Sử dụng điện áp tại Việt Nam		
	4	Môi trường hoạt động:		

	5	+ Nhiệt độ tối đa: $\geq 20^{\circ}\text{C}$		
		+ Độ ẩm tối đa: $\geq 60\%$		
	II	YÊU CẦU CẤU HÌNH		
		Máy chính: 01 bộ		
		Giá đỡ: 01 cái		
		Bộ phụ kiện máy làm ấm máu/dịch truyền tiêu chuẩn: 02 bộ		
		Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ		
	III	YÊU CẦU CHỈ TIÊU KỸ THUẬT		
		Máy được sử dụng để làm ấm dịch truyền, máu và chế phẩm máu		
		Có màn hình hiển thị nhiệt độ làm ấm thực tế		
		Có cảm biến kiểm soát nhiệt độ		
		Có chức năng phát cảnh báo khi quá nhiệt		
		Nhiệt độ làm ấm cố định hoặc điều chỉnh được: ≥ 37 độ C		
9	Bơm tiêm điện	Yêu cầu chung:	Chiếc/ cái	3
		Xuất xứ: G7		
		- Thiết bị mới 100%. Năm sản xuất từ năm 2024 trở về sau		
		- Đáp ứng tiêu chuẩn quản lý chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương		
		- Nguồn điện cung cấp: 220 V – 50 Hz.		
		-Môi trường hoạt động:		
		+ Nhiệt độ $\geq 40^{\circ}\text{C}$		
		+ Độ ẩm $\geq 90\%$		
		Yêu cầu về cấu hình		
		- Máy chính+ Pin tích hợp: 01 cái		
		Phụ kiện tiêu chuẩn đi kèm:		

		- Dây nguồn: 01 cái		
		- Kẹp cốc truyền: 01 cái		
		-Cốc truyền có chân đế bằng Inox hộp loại 3 bánh xe có khóa hãm: 01 cái		
		+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bộ.		
		Thông số kỹ thuật		
		- Màn hình màu LCD: kích thước ≥ 4 inch.		
		- Sử dụng ≥ 07 nút bấm và một núm xoay để điều khiển.		
		- Dùng được nhiều loại syringe (bơm tiêm) khác nhau.		
		- Các cỡ bơm tiêm tương thích: 5ml, 10ml, 20ml, 30ml, 50/60ml.		
		- Dải cài đặt tốc độ tiêm:		
		+ 0.01 đến ≥ 150 mL/giờ (khi sử dụng bơm tiêm 5mL).		
		+ 0.01 đến ≥ 300 mL/giờ (khi sử dụng bơm tiêm 10, 20, 30 mL).		
		+ 0.01 đến ≥ 1200 mL/giờ (khi sử dụng bơm tiêm 50/60 mL).		
		- Độ chính xác máy: $\pm \leq 1\%$		
		- Cài đặt cân nặng bệnh nhân: 0.1 đến ≤ 300 kg (bước đặt 0.1 kg).		
		- Ngưỡng áp lực báo tắc: 10 đến ≥ 120 kPa. Có thể chọn áp lực báo tắc theo ≥ 10 mức.		
		- Nguồn pin:		
		+ Pin chính: nằm bên trong máy, loại lithium-ion hoặc tương đương.		
		+ Thời gian hoạt động: ≥ 12 tiếng.		
		+ Có pin phụ để cảnh báo lỗi nguồn trong trường hợp mất điện lưới và pin chính hỏng.		
		- Các chức năng cảnh báo và báo động: Tắc đường truyền trên; Tắc đường truyền dưới; Hết dịch truyền; Có khí trong đường truyền; Cửa bơm mở; Tốc độ truyền bất thường; Dòng chảy tự do; Pin yếu; Pin hỏng.		
		- Các chức năng an toàn:		
		+ Chức năng giảm tốc khi Bolus (tiêm nhanh).		
		+ Chức năng khóa bàn phím.		
		- Các chức năng khác:		

		+ Hiện thị hướng dẫn lắp bơm tiêm trên màn hình LCD.		
		+ Lưu và xem dữ liệu: xấp xỉ ≥ 10.000 sự kiện.		
		+ Duy trì đường ven mở.		

A. Mẫu báo giá

BÁO GIÁ
Kính gửi: Trung tâm y tế Việt Yên.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm y tế Việt Yên chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS (nếu có)	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VND) (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VND)
1							
2							
n	...							

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))